

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+CTK3	7:25	14+7	0+0		11+11	0+0	
2		PVD1	7:25	22	0		22	0	
3		TD2+VSP02+RC5	9:25	19+1+1	0+0+0		15+6+1	0+0+0	
4		PVD1+MRM	9:25	16+6	0+0		9+12	0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: NO 1	TO: MRM - CTK3	CREW: HUNG - ĐNam - Huy - Son	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	USMANOV ALBERT	MRM	45-46	2	18	26	119	AMNGR	Russian
2	SHABAKANOV MARAT	MRM	40-41	2	13		82	AMNGR	Russian
3	KULIK VIACHESLAV	MRM	47-48	2	15		72	AMNGR	Russian
4	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	42	1	12		78	AMNGR	Russian
5	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	43	1	13		92	AMNGR	Russian
6	SUVOROV IURII	MRM	54	1	3		119	AMNGR	Russian
7	NABOKOV ANDREY	MRM	37-38	2	11		90	AMNGR	Russian
8	PIMAKIN OLEG	MRM	36	1	4		119	AMNGR	Russian
9	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	44	1	13		68	AMNGR	Russian
10	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	53	1	8		100	AMNGR	Russian
11	SHAKIN MIKHAIL	MRM	50-51	2	13		88	AMNGR	Russian
12	NGUYEN HAI LAM	MRM	52	1	8		66	VS-KHOA	Vietnamese
13	MAI TUAN KIET	MRM	49	1	10		76	VS-KHOA	Vietnamese
14	NGUYEN HUU LUAN	MRM	39	1	10		72	VS-KHOA	Vietnamese
15	NGUYEN THAI BINH	CTK3	44,29	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VIET LOC	CTK3	02-03	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
17	HA XUAN THANH	CTK3	52,55	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
18	MAI DUY TAN	CTK3	05-06	2	18	10	72	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN TRONG TUAN	CTK3	43	1	6		78	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DINH HAI	CTK3	15	1	5		65	SANBAY	Vietnamese
21	PHAM VAN TU	CTK3	51	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	14	19	151	1.241	26	11		1 NB PHAM THAI SON (PILOT)
2	CTK3	7	11	83	486	10	11		
TOTAL		21	30	234	1.727	36	22		
WEIGHT KG				234	1.727	36			

GRAND TOAL: 1.997 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/03/2023	TO: PVD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: NO 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - THỤ -	ETA: 09:25
CAM-1		HTrung	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	69	1	10	100	92	KHOAN	Vietnamese
2	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	75	1	10	15	126	PVD DD	American
3	NGUYỄN DUY SƠN	PVD1	68	1	12		71	PVDDD	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC CÔNG	PVD1	62	1	5		65	PVDO	Vietnamese
5	HOÀNG CÔNG THẮNG	PVD1	82	1	6		60	PVDO	Vietnamese
6	PHAN ĐỨC THIÊN	PVD1	77-78	2	7		62	PVDO	Vietnamese
7	ĐOÌ DUY DƯƠNG	PVD1	79	1	4		71	PVDO	Vietnamese
8	TÔ TRỊNH ĐỨC	PVD1	73	1	6		75	PVDO	Vietnamese
9	ĐÌNH QUANG TRƯỜNG	PVD1	61	1	4		57	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH DUNG	PVD1	74	1	5		50	PVDO	Vietnamese
11	TRAN VAN CHUONG	PVD1	91	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐẠI	PVD1	65	1	5		65	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN PHÚC	PVD1	66	1	5		65	PVDO	Vietnamese
14	PHẠM QUYẾT THẮNG	PVD1	58-59	2	8		52	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THÈ	PVD1	81	1	5		61	PVDO	Vietnamese
16	NGUYỄN BA TUẤN	PVD1	60	1	2		65	PVDO	Vietnamese
17	TRIỆU THANH ĐÔNG	PVD1	80	1	4		60	PVDO	Vietnamese
18	PHẠM THÈ LAM	PVD1	72	1	10		80	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	PVD1	63	1	5		85	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN ANH	PVD1	67	1	4		72	PVDO	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN BIÊN	PVD1	70-71	2	11		71	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN NGHĨA	PVD1	64	1	3		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	25	141	1.520	115	22		1 NOI BO: NGUYEN DUC HANH TRUNG (PC)
TOTAL		22	25	141	1.520	115	22		
WEIGHT KG				141	1.520	115			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: NO 3	TO: TD2 - VSP02 - RC5	CREW: HUNG - ĐNam - Huy -	ETA: 11:40
XANH - 2		N.Cuong	

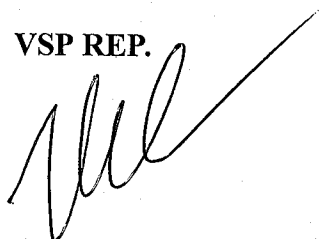
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	76	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	78-79	2	6		82	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG HAI BẢNG	TD2	68	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	81-82	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	67	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ VĂN HÙNG	TD2	65-66	2	7		74	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ HỒNG HAI	TD2	63	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	62	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN XUÂN	TD2	72-73	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	69	1	2		100	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ SĨ MINH TÂN	TD2	77	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VIỆT	TD2	70	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	TD2	75	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TRƯỞNG LAM	TD2	74	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
15	TRÌNH QUỐC KHÁNH	TD2	60	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	GILEMKHANOV RUSLAN	TD2	71	1	7		84	KHOAN	Russian
17	SOTRIVEX IGOR	TD2	64	1	7	60	105	KHOAN	Russian
18	HOÀNG MINH SƠN	TD2	61	1	11		74	ANTOAN	Vietnamese
19	ĐỖ MINH HỘI	TD2	80	1	12		70	PSV	Vietnamese
20	HÀN VĂN HIẾU	VSP02	12-14	3	20	115	78	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN TIẾN LŨ	RC5	35	1	7		67	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	23	130	1.467	60	15		NB: Phan Như Cường (PL)
2	VSP02	1	3	20	78	115	6		
3	RC5	1	1	7	67	0	1		
TOTAL		21	27	157	1.612	175	22		
WEIGHT KG				157	1.612	175			

GRAND TOAL: 1.944 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2023	TO: PVD1 - MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: NO 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - THỤ -	ETA: 11:45
CAM-2		HTrung	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH KHAI	PVD1	08	1	10	15	74	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC TU	PVD1	27	1	10		75	PVDI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH AN	PVD1	21-22	2	15		60	ABS	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN	PVD1	23-24	2	10		65	PVD DD	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN MINH	PVD1	99,1000	2	14		75	PVDWS	Vietnamese
6	ĐO VĂN TUÔNG	PVD1	98	1	14		65	PVDWS	Vietnamese
7	TRƯỜNG THIÊN TRUNG	PVD1	92-93	2	18		100	PVD INVE\$	Vietnamese
8	ĐẶNG TIẾN CÁN	PVD1	96-97	2	21		64	PVD INVE\$	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG LONG	PVD1	09-10	2	16		65	DMC-MI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THỰC	PVD1	25	1	15		81	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ANH TUẤN	PVD1	26	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC MINH	PVD1	94-95	2	16		81	DVL	Vietnamese
13	PHẠM MINH ĐỨC	PVD1	12-13	2	10		70	PHATECO	Vietnamese
14	LE VĂN ĐỨC	PVD1	14	1	6		58	PHATECO	Vietnamese
15	LE NHƯ HAI	PVD1	11	1	6	67	74	PHATECO	Vietnamese
16	PHAN DINH GIAP	MRM	58	1	4		81	PSV	Vietnamese
17	DUONG VIET DUNG	MRM	57	1	5		48	PSV	Vietnamese
18	TROIANOV DMITRII	MRM	63-64	2	14		85	AMNGR	Russian
19	DIDENKO PAVEL	MRM	61-62	2	18		89	AMNGR	Russian
20	ANDREW ROBERTSON	MRM	59-60	2	15		93	SABA DRIL	British
21	JONES LEWIS MARTIN	MRM	65-66	2	19	10	110	SABA DRIL	British

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	15	23	193	1.078	82	9		1.115: NGUYEN DUC HANH TRUNG (PC)
2	MRM	6	10	75	506	10	12		
TOTAL		21	33	268	1.584	92	21		
WEIGHT KG				268	1.584	92			

GRAND TOAL: 1.944 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

